

Bản án số: 115/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 7 - 2017

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Toàn

2. Bà Lê Thị Mỹ Linh

*- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hà – Kiểm sát viên.*

Ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Chí N (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 9, xã VVA, huyện LM, tỉnh HG.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị T (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 9, xã VVA, huyện LM, tỉnh HG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Chí N trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị T do quen biết và tự nguyện kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã VVA, huyện LM được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/12/2013. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không phù hợp tính tình, hai bên không tìm được sự đồng cảm trong cuộc sống vợ chồng mặc dù đã tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Anh và chị T đã sống ly thân từ năm 2015. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị T.

*Về con chung:* Quá trình chung sống anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim N (nữ) sinh ngày 09/11/2012, hiện đang sống chung với anh. Do từ năm 2015 đến nay, chị T đi làm ăn ở nơi khác, không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú và không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị Trang cấp dưỡng.

*Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Thị T cung cấp bản tự khai ngày 26/6/2017, chị T xác định do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên chị đồng ý ly hôn với anh N. Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi cháu Kim N, không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LM trình bày quan điểm:

*Về thủ tục tố tụng:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Chí N, cho ly hôn giữa anh N và chị T; giao con chung là cháu Kim N cho anh N nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về thủ tục tố tụng:*

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn”. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đối với chị Trần Thị T, ngày 26/6/2017 chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Trần Thị T nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ theo quy định pháp luật.

*Về nội dung vụ án:*

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Anh Nguyễn Chí N và chị Trần Thị T tự nguyện kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2013 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh N và chị T phát sinh mâu thuẫn, anh N yêu cầu được ly hôn với chị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng anh N và chị T, thì xác định được: Vợ chồng họ không còn sống chung với nhau nữa, mâu thuẫn bên trong của vợ chồng họ thì chính quyền địa phương không nắm rõ, chỉ thấy vợ chồng không còn sống chung một nhà,

mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bốn phận người đó, không cùng nhau chia sẻ cuộc sống gia đình. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, căn cứ vào kết quả xác minh tình trạng hôn nhân, có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh N và chị T thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Chị T đồng ý ly hôn với anh N. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng anh N và chị T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh N, cho ly hôn giữa anh N và chị T.

[2.] *Về con chung*: Tại phiên tòa, anh N yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Kim N. Xét thấy, anh N và chị T ly thân từ năm 2015 đến nay, sau khi anh chị ly thân cháu Kim N được anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T do hiện nay đang làm việc ở nơi khác, không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú nên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để tạo thuận lợi cho việc chăm sóc, giáo dục con chung, để đảm bảo lợi ích, sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý của trẻ nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Thị Kim N cho anh Nguyễn Chí N nuôi dưỡng. Anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3.] *Về tài sản chung*: Anh N và chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4.] *Về nợ chung*: Anh N và chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5.] *Về án phí*: Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Anh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Chí N đối với chị Trần Thị T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Chí N và chị Trần Thị T.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Kim N (nữ) sinh ngày 09/11/2012 cho anh Nguyễn Chí N nuôi dưỡng. Anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Anh Nguyễn Chí N và chị Trần Thị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Anh Nguyễn Chí N và chị Trần Thị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Anh Nguyễn Chí N phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp theo biên lai thu số 0011920 ngày 08/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L M, tỉnh HG thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/7/2017). Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h.Long Mỹ;
- Chi cục THADS h.Long Mỹ;
- UBND xã VVA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Ngô Thừa**